

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/DS-PT

Ngày: 24- 6-2021

V/v Tranh chấp yêu cầu hủy hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán:

- Bà Phạm Thị Hồng Vân;

- Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1961;

2. Bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1963; cùng địa chỉ: Tổ 20, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông **Đặng Tấn Lực**, sinh năm: 1973 (theo văn bản ủy quyền ngày 17.6.2020); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Võ Thị T1**, sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Ông **Võ Văn T2**, sinh năm: 1975; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G tỉnh Tây Ninh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Võ Văn T3**, sinh năm: 1970; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Ông **Lê Tấn P**, sinh năm: 1972; địa chỉ: Khu phố 1, Phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Ông P: Bà **Bùi Thị Hoa M**, sinh năm: 1973; địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T ngày 19/6/2020, quá trình thu thập chứng cứ và lời trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền nguyên đơn là Đặng Tấn Lực:

Ngày 12.3.2016 bà C, ông T có cho bà Võ Thị T1 vay số tiền 2.140.000.000 đồng; ngày 24/12/2018, bà C, ông T có đơn khởi kiện bà T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đến ngày 23/7/2019 Tòa án Gò Dầu đưa vụ án ra xét xử, đã tuyên buộc bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà C, ông T số tiền gốc và lãi là 2.198.815.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T, bà C có đơn yêu cầu thi hành án, được cơ quan Thi hành án xác định tại Gò Dầu bà T1 không có tài sản để thi hành án số tiền nêu trên, nên bà C, ông T tìm hiểu, được biết bà T1 còn có 01 phần đất có diện tích 243,8 m² tại thửa 428 tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Khi bà C, ông T tìm hiểu kỹ hơn thì biết bà T1 đã làm thủ tục tặng cho phần đất trên cho ông Võ Văn T2 (em ruột bà T1) vào ngày 28/12/2016, được phòng Công chứng Lương Tâm Thanh chứng thực, ông T2 làm thủ tục sang tên, được Sở Tài nguyên trường Tây Ninh cấp giấy vào ngày 12/01/2017. Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bà C mới biết được phần đất trên ông T2 đã chuyển nhượng cho ông Lê Tấn P, nhưng chưa được sang tên là do Văn Phòng đăng ký đất đai không tiếp nhận hồ sơ đăng ký của Ông P, do Văn phòng đăng ký đất đai biết được phần đất này có tranh chấp, nhưng không phải do bà C ngăn cản.

Việc bà T1 tặng cho đất cho ông T2, bản thân bà T1 biết rõ có nợ bà C, ông T số tiền lớn là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, mặc dù khi bà T1 vay nợ không có

thể chấp tài sản cho bà C, ông T. Do vậy bà C, ông T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T1 và ông T2 lập ngày 28/12/2016; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông T2 (người đại diện của ông T2 là ông T3) và Ông P lập ngày 22/7/2019. Hậu quả pháp lý của việc giải quyết hủy hợp đồng là do Ông P và ông T2 giải quyết với nhau. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- **Theo trình bày của bị đơn bà Võ Thị T1 và quá trình thu thập chứng cứ thể hiện:** Ngày 28/12/2016 bà T1 có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T2, nhưng là chị em, nên bà làm hợp đồng tặng cho diện tích đất 243,8 m² tại thửa 428, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, đây là tài sản riêng của bà T1 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05215, ngày 01/11/2016. Đối với số nợ bà T1 phải thi hành án theo bản án số 44/2019/DS-ST, ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, bà T1 phải thi hành số tiền gốc và lãi là 2.198.815.000 đồng. Xuất phát từ khoản vay tại giấy nợ ngày 12/3/2016, do phải trả lãi thời gian dài, số tiền lớn, dẫn đến làm ăn thất bại, nên đến tháng 12/2016 bà T1 phải bán nhà đất cho ông T2, để lấy số tiền 500.000.000 đồng trả lãi cho bà C, ông T. Riêng số nợ vay của bà C, ông T đến ngày 15/01/2019 ông T bà C mới khởi kiện. Do vậy bà C, ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T1 và ông T2, với lý do bà T1 trốn tránh nghĩa vụ thi hành án là không đúng, nên bà T1 không đồng ý với yêu cầu bà C, ông T.

- **Theo lời trình bày của bị đơn Ông Võ Văn T2, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2020:** Vào năm 2016, ông T2 không nhớ cụ thể ngày tháng, ông T2 có nhận chuyển nhượng của bà T1 phần đất có diện tích đất 243,8 m² tại thửa 428, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, giá 500.000.000 đồng, do làm thủ tục chuyển nhượng phải tốn tiền, nên làm thủ tục tặng cho để không phải tính thuế. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T2 sử dụng được thời gian thì có người hỏi mua, nên ông T2 đã chuyển nhượng cho Ông P và giao tài sản nhà đất cho Ông P từ khi chuyển nhượng đến nay. Quá trình chuyển nhượng đất cho Ông P, thì ông T2 không trực tiếp ký hợp đồng mà ủy quyền cho anh là Võ Văn T3 ký kết với Ông P. Nay ông T2 không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T1 và ông T2; không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T2 và Ông P.

- **Tại bản tự khai ngày 28/9/2020 người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T3 trình bày:** Vào năm 2019 ông T3 nhận ủy quyền của ông T2 để trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất của ông T2 với Ông P. Ông T3 trình bày tài sản hợp pháp của ông T2, ủy quyền ông ký hợp đồng chuyển nhượng là đúng pháp luật. Ông không có ý kiến về hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T2 và Ông P.

- Tại bản tự khai ngày 16/7/2020, Quá trình thu thập chứng cứ người đại diện hợp pháp người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn P là bà Bùi Thị Hoa M: Ngày 22/7/2019 ông Lê Tấn P có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Võ Văn T2 có diện tích 243,8 m² tại thửa 428, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Do ông T2 ủy quyền cho Võ Văn T3 là người đại diện ký hợp đồng, được Phòng Công chứng Lê Quang Sách chứng thực. Ông P sống ở Thành phố Hồ Chí Minh về Tây Ninh sinh sống làm ăn, có nhu cầu mua nhà đất để ở. Trước khi mua nhà, đất thì Ông P có tìm hiểu địa phương là đất không tranh chấp, không bị kê biên, hơn nữa Ông P mua nhà đất của ông T2 thông qua môi giới nhà đất, nên không biết gì về việc bà T1 vay tiền của bà C. Giá Ông P nhận chuyển nhượng thực tế là 800.000.000 đồng (ghi trong hợp đồng là 200.000.000 đồng), ông T2 nhận đủ tiền và đã giao nhà đất cho Ông P sử dụng từ ngày 22/7/2019 cho đến nay. Sau khi nhận chuyển nhượng Ông P đã nâng cấp sửa chữa với số tiền là 220.324.000 đồng. Ông P đăng ký biến động ngày 15/8/2019 tại phường Long Thành Trung thì Ông P mới biết đất tranh chấp, nên Ông P chưa được sang tên.

Nay nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông T2 với Ông P, Ông P không đồng ý với lý do, Ông P nhận chuyển nhượng của ông T2 là ngay tình hợp pháp, yêu cầu được tiếp tục lưu thông hợp đồng.

Bản án sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 459; Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu “hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa bà Võ Thị T1 và ông Võ Văn T2; và “hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Võ Văn T2 (người đại diện ông T2 là ông Võ Văn T3) và ông Lê Tấn P.

Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Võ Thị T1 và ông Võ Văn T2 đối với thửa 428, tại tờ bản đồ số 03, diện tích 243,8m² tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Võ Văn T2 (người đại diện ông T2 là ông Võ Văn T3) và ông Lê Tấn P đối với thửa 428, tại tờ bản đồ số 03, diện tích 243,8 m² tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Ông Lê Tấn P có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định (theo trích lục bản đồ địa chính số 3200/SĐ-TL, ngày 14/12/2020).

Bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2021 bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, với yêu cầu: Sửa án sơ thẩm, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị T1 với ông Võ Văn T2 và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn T2 (người đại diện ông T2 là ông Võ Văn T3) với ông Lê Tấn P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn có thay đổi về yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm đưa bà Phan Thị Kim T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy bà T1 vay tiền của bà C vào tháng 3 năm 2016, đến tháng 12 năm 2018 bà C mới có đơn khởi kiện bà T1 về số tiền vay. Việc bà T1 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T2 vào tháng 12 năm 2016, trước thời điểm bà C kiện bà T1 là 02 năm. Số tiền bà T1 chuyển quyền sử dụng đất có trả cho bà C (được bà C thừa nhận tại bản án số 44/2019/DS-ST, ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu). Nên với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cho rằng việc chuyển quyền sử dụng của bà T1 nhằm tẩu tán tài sản là không có cơ sở.

Việc đại diện nguyên đơn đề nghị đưa bà T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở. Bởi vì tại phiên tòa bà T4 đã thừa nhận là người thông tin tài sản của bà T1 tại khu phố L, phường L, thị xã H cho bà C đi kiện bà T1, mặc nhiên bà T4 thừa nhận quyền sử dụng đất và nhà là của bà T1. Xét thấy bà T4 không có quyền lợi gì trong vụ án này, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị T1, ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, ông T2, ông T3.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo trong hạn và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo của đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 28/12/2016 giữa bà T1 và ông T2, đã được ông T2 làm thủ tục sang tên cho ông T2 đứng tên chủ sử dụng đất ngày 12/01/2017, do Sở Tài nguyên & Môi trường cấp diện tích 243,8 m² tại tờ bản đồ số 03, thửa 428 tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện tại BL số: 89, 92 bà T1, ông T2 trình bày thực tế bà T1 chuyển nhượng cho ông T2 phần đất trên số tiền 500.000.000 đồng, nhưng giữa bà T1 và ông T2 lập hợp đồng tặng cho để không phải chịu thuế Nhà nước. Sau khi thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất từ bà T1 sang ông T2, thì bà T1 vẫn đảm bảo việc trả lãi trên số tiền vay của bà C. Tại bản án số: 44/2019/DS-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, ông Đặng Tấn Lực là người đại diện cho bà C, ông T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Võ Thị T1 đã thừa nhận bà C có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ bà T1. Từ đó cho thấy lời trình bày của bà T1 và ông T2, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 500.000.000 đồng là có thật, để bà T1 có tiền trả cho bà C. Do đó bà C cho rằng việc bà T1 chuyển quyền sử dụng đất là nhằm tẩu tán tài sản là không có cơ sở.

[2.2] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 428, tại tờ bản đồ số 03, diện tích 243,8 m² tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh lập ngày 22/7/2019, giữa ông Võ Văn T2 (người đại diện ông T2 là ông Võ Văn T3) và ông Lê Tấn P, được Phòng Công chứng Lê Quang Sách chứng thực, giá chuyển nhượng thực tế là 800.000.000 đồng (giá ghi trong hợp đồng là 200.000.000 đồng). Ông T2 đã nhận đủ tiền và giao nhà đất cho ông Lê Tấn P sử dụng từ khi ký hợp đồng cho đến nay. Trong quá trình Ông P nhận chuyển nhượng từ ông T2, Ông P đã nâng cấp sửa chữa nhà với chi phí là 220.324.000 đồng. Ông P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do trong thời gian nộp hồ sơ tại UBND phường Long Thành Trung để hoàn tất thủ tục thì có thông báo từ Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu v/v thửa đất có tranh chấp. Tuy

nhiên Ông P là người thứ ba nhận chuyển nhượng ngay tình hợp pháp, đã trả đủ tiền và tiếp nhận nhà, đất để sử dụng, nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Võ Văn T2 (người đại diện ông T2 là ông Võ Văn T3) và ông Lê Tấn P là phù hợp với quy định tại Điều 133 Bộ luật Dân sự.

Với đề nghị của người đại diện của nguyên đơn cần đưa bà Phan Thị Kim T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở. Bởi vì tại phiên tòa bà T4 đã thừa nhận là người thông tin tài sản của bà T1 tại khu phố L, phường L, thị xã H cho bà C đi kiện bà T1, mặc nhiên bà T4 thừa nhận quyền sử dụng đất và nhà là của bà T1. Xét thấy bà T4 không có quyền lợi gì trong vụ án này, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T4 cho rằng thửa đất thửa 428, tại tờ bản đồ số 03, diện tích 243,8 m² tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là của bà, nhà trên đất cũng do bà xây. Tuy nhiên bà thừa nhận vào thời điểm bà T1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T2, bà đã biết nhưng bà không khởi kiện tranh chấp với bà T1, cho đến nay bà cũng chưa khởi kiện, nên lời trình bày của bà là không có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà C, ông T không được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 459; Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật Dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu “Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa bà Võ Thị T1 và ông Võ Văn T2; “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Võ Văn T2 (người đại diện ông T2 là ông Võ Văn T3) và ông Lê Tấn P.

- Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Võ Thị T1 và ông Võ Văn T2 đối với thửa 428, tại tờ bản đồ số 03, diện tích 243,8 m² tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Võ Văn T2 (người đại diện ông T2 là ông Võ Văn T3) và ông Lê Tấn P đối với thửa 428, tại tờ bản đồ số 03, diện tích 243,8 m² tọa lạc tại khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Ông Lê Tấn P có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định (theo trích lục bản đồ địa chính số 3200/SĐ-TL, ngày 14/12/2020).

3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số: 0009849, ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: 0008893, ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm dân sự.

3.2. Án phí dân phúc thẩm:

Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0009781 ngày 29-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

3.3. Chi phí tố tụng khác:

Về chi phí thẩm định, đo đạc định giá: Bà Trần Thị C, ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.207.000 đồng (ghi nhận đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(đã ký)****Phạm Văn Diệp**